

PHỤ LỤC
THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 5 NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số /SXD-KTVLXD ngày /5/2023 của Sở Xây dựng Đắk Lắk)

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá tại khu vực công trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	HỆ THỐNG AN TOÀN GIAO THÔNG					
1	<i>Sản phẩm của Công ty Phương Tuấn Trụ sở: 54 Nguyễn Bình Khiêm, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Liên hệ: 0257.382.9057</i>					
	Biển báo đường cao tốc					
	Biển báo tam giác A70	Biển			1.050.000	Giao tại công trình
	Biển báo tam giác A90	Biển			1.330.000	
	Biển báo tam giác A130	Biển			1.520.000	
	Biển báo tam giác A140	Biển			1.850.000	
	Biển báo tròn D70	Biển			2.800.000	
	Biển báo tròn D90	Biển			3.100.000	
	Biển báo tròn D130	Biển			6.700.000	
	Biển báo tròn D140	Biển			8.300.000	
	Biển báo chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có KT <1m2)	m2			4.200.000	
	Biển báo chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có KT <5m2)	m2			5.680.000	
	Biển báo chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có KT >5m2)	m2			7.200.000	
	Trụ đỡ biển báo					
	Cột đỡ biển báo D88,3*3mm mạ kẽm và dán màng phản quang loại IV	m	Công ty Phương Tuấn		570.000	Giao tại công trình
	Cột thép D141,3*4,5*2150	cột	nt		1.527.360	
	Cột thép D141,3*4,5*2080	cột	nt		1.491.840	
	Cột thép D141,3*4,5*1100	cột	nt		781.440	
	Trụ đỡ tôn sóng					
	Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5*2150	cột	nt		1.501.904	Giao tại công trình
	Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5*2500	cột	nt		1.764.400	
	Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5*2675	cột	nt		1.886.112	
	Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5mm, L=1,7m	cột	nt		1.187.552	
	Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5mm, L=1,5m	cột	nt		1.047.840	
	Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5mm, L=1,58m	cột	nt		1.103.725	
	Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5mm, L=1,36m	cột	nt		977.984	
	Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5mm, L=1,08m	cột	nt		768.416	
	Tấm phân cách di động bằng thép sơn mũi tên (đảo xếp giao thông nút giao)	kg	Công ty Phương Tuấn		58.000	nt
	Nắp chụp D150x2mm	cái	nt		25.000	nt
	Thép dẹt 196x178x200x4,5mm	cái	nt		200.000	nt
	Thép dẹt 624x389x200x4mm	cái	nt		510.000	nt
	Thép dẹt 300x70x5mm	cái	nt		60.000	nt
	Tiêu phản quang tam giác dày 2mm dán đề can phản quang 3M-3900	cái	nt		18.000	nt
	Hệ lan tôn sóng mạ kẽm					
	Tôn lượn sóng (2 sóng) 4320x310x4mm	tấm	nt		2.352.950	nt
	Tôn lượn sóng (2 sóng) 2320x310x4mm	tấm	nt		1.263.621	nt
	Tôn lượn sóng (2 sóng) 2006x310x4mm	tấm	nt		1.143.795	nt
	Tôn lượn sóng (2 sóng) 1336x310x4mm	tấm	nt		727.672	nt
	Tôn lượn sóng (2 sóng) 3320x310x4mm	tấm	nt		1.808.286	nt
	Tấm đầu, tấm cuối tôn (2 sóng) (700*310*4mm)	tấm	nt		460.620	nt
	Tôn lượn sóng (3 sóng) 6320x508x4mm	tấm	nt		5.499.371	nt
	Tôn lượn sóng (3 sóng) 4320x508x4mm	tấm	nt		3.759.064	nt
	Tôn lượn sóng (3 sóng) 2230x310x4mm	tấm	nt		2.018.756	nt
	Tấm đầu, tấm cuối tôn (3 sóng) (700*508*4mm)	tấm	nt		697.255	nt

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá tại khu vực công trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Hàng rào dây thép gai					
	Kèm gai đường kính dây 2,5x2mm	m	nt		8.000	nt
	Ống thép D60 dày 3mm, L=1640mm	cái	nt		689.000	nt
	Ống thép chịu lực D60, dày 3mm, L=1590mm, bu lông đai ốc D12, L=50mm	cái	nt		840.000	nt
	Tấm phân cách di động bằng thép sơn mũn tên (đảo xếp giao thông nút giao)	cái	nt		1.980.000	nt
	Cột ống thép mã kèm 141,3*4,5*1820mm	cột	nt		1.292.928	nt
	Cột ống thép mã kèm 141,3*4,5*1385mm	cột	nt		994.560	nt
	Cột ống thép mã kèm 141,3*4,5*2450mm	cột	nt		1.776.000	nt
	Cột ống thép mã kèm 126,8*4,3*700mm	cột	nt		419.580	nt
	Cột ống D60x3mm, H = 3,03m (bao gồm cả nắp bịt)	cột	nt		1.272.600	nt
	Cột ống D60x3mm, H = 3,23m (bao gồm cả nắp bịt)	cột	nt		1.356.600	nt
	Cột thép mã kèm D267,4 x 9,3mm	m	nt		10.400.000	nt
	Cột thép mã kèm D457,2 x 16mm	m	nt		13.650.000	nt
	Giá long môn (bao gồm cột, giá treo ống + khung giá + bu long nối + bu lông neo)	cái	nt		504.164.173	nt
	Trụ thép D59,9*3 cao 241mm (bao nắp bịt, gân cột, tai cột)	cột	nt		312.000	nt
	Tấm đầu cuối L=1020mm	tấm	nt		992.187	nt
	Hệ lan tôn lượn sóng tấm giữa (4320x508x4)mm SS540	tấm	nt		3.820.187	nt
	Hàng rào lưới					
	Ống thép D60 dày 3mm, L=1440mm	cái	nt		384.000	nt
	Ống thép chịu lực D60, dày 3mm, L=1590mm bao gồm 2 mặt tấm thép 50x3 L=112mm và L = 65mm, mặt bích vuông 120x10mm- L=120mm, bu lông đai ốc D12 (2 cái) L=50mm	cái	nt		988.000	nt
	Hàng rào lưới thép B40 mạ kẽm KT 4x65x65mm, L=1500x2730mm	cái	nt		2.567.000	nt
	Cửa ra và hàng rào bảo vệ lưới B40					
	Cửa hàng rào lưới thép B40 mạ kẽm nhúng nóng (khung thép hộp T25x50x1,8 nẹp L40x4, thép tấm PL26x2, lưới B40, d4mmmm, ô mắt 63x63mm)	cái	nt		4.975.000	nt
	Thanh chống bằng thép ống mạ kẽm P50, 1x2,8x1240mm (bao gồm tai bắt, tấm gia cường) mạ kẽm nhúng nóng	cái	nt		338.000	nt
	Thanh gìm D12x500mm	cái	nt		25.000	nt
	Lưới chống chói					
	Lưới chống chói KT 1780x450mm	tấm	nt		936.000	nt
	Trụ lưới chống chói D60 H500	trụ	nt		336.000	nt
	Lưới chống chói KT 1780x700mm	tấm	nt		1.128.000	nt
	Trụ lưới chống chói D60 H750	trụ	nt		462.000	nt
	Đề can phản quang					
	Đề can phản quang loại IV (3M-3900)	m2	nt		700.000	nt
	Đề can phản quang loại IV (3M-3900)	m2	nt		1.650.000	nt
	Sơn nhiệt dẻo giao thông (công nghệ Nhật Bản)					
	Bột sơn Futun màu trắng (20% hạt phản quang)	kg	nt		23.000	nt

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá tại khu vực công trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Bột sơn Futun màu vàng (20% hạt phản quang)	kg	nt		24.000	nt
	Keo lót Futun	kg	nt		79.000	nt
	Hạt phản quang	kg	nt		23.000	nt
	Đỉnh phản quang 3M RPM-290 (bằng hộp kim nhôm, 2 mặt vàng - vàng, có chân) KT 130*110*75mm	cái	nt		176.000	nt
	Đỉnh phản quang 3M RPM-290 (bằng hộp kim nhôm, 2 mặt vàng - đỏ, có chân) KT 130*110*75mm	cái	nt		189.000	nt
	BU LÔNG		nt			nt
	Bu lông D27, L = 542mm (Giá long môn)	bộ	nt		143.000	nt
	Bu lông liên kết ren lưng M20x165	bộ	nt		37.000	nt
	Bu lông liên kết ren suốt M20x165	bộ	nt		54.000	nt
	Bu lông neo M32x1600	bộ	nt		504.000	nt
	Bu lông liên kết ren suốt M12x40	bộ	nt		3.000	nt
	Bu lông liên kết ren suốt M14x50	bộ	nt		5.000	nt
	Bu lông liên kết ren suốt M12x50	bộ	nt		3.000	nt
	Bu lông liên kết ren suốt M18x40	bộ	nt		7.000	nt
	Bản đệm 300*70*5 mm thép SS400 (tôn hệ lan)	bộ	nt		60.000	nt
	Bu lông đầu dùi M16*35	bộ	nt		7.000	nt
	Bu lông đầu dùi M20*180	bộ	nt		28.000	nt
	Bu lông đầu dùi M18*40	bộ	nt		10.000	nt
	Bu lông neo M22x320 (lan can)	bộ	nt		51.000	nt
	Bu lông neo M22x250	bộ	nt		42.000	nt
	Tắc kê nở ống liên M12*100	bộ	nt		8.000	nt
	Áo phản quang	cái	nt		168.000	nt
	Đèn xoay giao thông năng lượng	cái	nt		210.000	nt
	PHÂN CẦU					
	Gối cao su cố định (150x250x35)	cái	nt		850.000	nt
	Gối cao su di động (150x250x35)	cái	nt		1.000.000	nt
	Gối cao su cố định (300x400x67)	cái	nt		5.000.000	nt
	Gối cao su di động (300x400x67)	cái	nt		6.000.000	nt
	Gối cao su cố định kích thước 400x450x78	cái	nt		9.000.000	nt
	Gối cao su di động kích thước 400x450x78	cái	nt		10.100.000	nt
	Gối cao su cố định (340x500x103)	cái	nt		24.000.000	nt
	Gối cao su di động (340x500x122)	cái	nt		26.000.000	nt
	Gối cao su cố định có tấm PTFE kích thước 400x450x78	cái	nt		11.200.000	nt
	Gối cao su di động có tấm PTFE kích thước 400x450x78	cái	nt		13.100.000	nt
	Gối chịu đa hướng 1200KN		nt		25.000.000	nt
	Gối chịu đơn hướng 1200KN		nt		26.500.000	nt
	Gối chịu đa hướng 1700KN		nt		28.000.000	nt
	Gối chịu đơn hướng 1700KN		nt		29.000.000	nt
	Gối chịu đa hướng 11500KN		nt		300.000.000	nt
	Gối chịu đơn hướng 11500KN		nt		400.000.000	nt
	Gối chịu đơn hướng KK-DOH 1.7	cái	TCVN 11823-14:2014		18.900.000	nt
	Gối chịu đa hướng KK-DOH 1.7	cái			17.535.000	nt
	Gối cao su 350x480x78mm	cái			3.885.000	nt
	Gối cao su 350x480x78mm có tấm TPFE	cái			4.725.000	nt
	Gối cao su 300x400x69mm	cái			2.625.000	nt
	Gối cao su 300x400x69mm có tấm TPFE	cái			325.500	nt
	Gối cao su 180x300x27mm	cái			493.500	nt
	Gối cao su 150x250x21mm	cái			273.000	nt
	Khe răng lược chuyển vị 150mm	m			20.000.000	nt
	Khe răng lược chuyển vị 100mm	m			18.500.000	nt
	Khe răng lược chuyển vị 50mm	m			16.000.000	nt

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá tại khu vực công trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Khe co giãn Feba chuyển vị 50mm	m	TCVN 25:2019 TCĐBVN		18.200.000	nt
	Tấm cao su dày 20mm	m2	ASTM D4010		3.500.000	nt
	Tấm cao su dày 10mm	m2			2.800.000	nt
2	Sản phẩm của Công ty Indecon Vina <i>Trụ sở: Quận Tây Hồ, Hà Nội. Liên hệ: Mr. Trần Hiếu, sdt: 0945.789.555</i>					Giao tại công trình
	Biển báo hiệu đường bộ		Indecon Vina			nt
	Biển báo tam giác cạnh 0.7m	biển	QCVN 41:2019/BGTVT		678.000	
	Biển báo tròn D=0.7m	biển			945.000	
	Biển báo tam giác cạnh 0.9m	biển			815.000	
	Biển báo tròn D=0.9m	biển			1.327.000	
	Biển chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có kích thước <1m2)	m2			2.670.000	
	Biển chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có kích thước 1 - 1,6 m2)	m2			2.750.000	
	Biển báo tam giác A90	biển	QCVN 41:2019/BGTVT		1.290.500	
	Biển báo tam giác A130	biển			1.451.000	
	Biển báo tam giác A140	biển			1.805.000	
	Biển báo tròn D90	biển			3.085.000	
	Biển báo tròn D130	biển			6.500.000	
	Biển báo tròn D1400mm	biển			8.290.000	
	Biển chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có kích thước <1m2)	m2			4.153.000	
	Biển chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có kích thước <5m2)	m2			5.589.000	
	Biển chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có kích thước >5m2)	m2			6.923.000	
	Đai ôm D90, T=2mm	cái			50.000	
	Màng phản quang	m2			1.740.000	
	Cột thép mạ kẽm D88.3, dày 3mm	m			549.000	
	Cột thép mạ kẽm D120 biển báo đường	m			750.000	
	Bu lông D10x25mm + vòng đệm dày 2mm	bộ			2.500	
	Bu lông D16x250mm, (+vòng đệm)	bộ			50.000	
	Bu lông D16x65mm, (+vòng đệm)	bộ			17.000	
	Nắp chụp (Mạ kẽm nhúng nóng)	cái			14.000	
	Sơn dẻo nhiệt					nt
	Sơn dẻo nhiệt màu trắng	kg			25.000	
	Sơn dẻo nhiệt màu vàng	kg			26.000	
	Sơn lót	kg			83.000	
	Tôn lợp sóng					nt
	Tấm đầu, tấm cuối tôn sóng rộng 460	tấm	Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123		985.000	
	Tấm đầu, tấm cuối tôn sóng rộng 310	tấm			615.000	
	Tấm sóng cong 594x350x4	tấm			786.200	
	Tiêu phản quang	cái			9.000	
	Tôn lợp sóng đơn 4330x310x4mmm	m			597.000	
	Tôn lợp sóng đơn 2335x310x4mmm	m			608.500	
	Tôn lợp sóng đơn 2006x310x4mmm	m			610.000	
	Tôn lợp sóng đơn 1336x310x4mmm	m			620.000	
	Tôn lợp sóng đơn 697x310x4mm	m			1.115.000	
	Tôn lợp sóng đơn 3320x310x4mmm	m			599.000	
	Tôn lợp sóng đơn 2320x310x4mmm	m			609.000	
	Tôn lợp sóng kép 4330x460x4mmm	m			1.010.000	
	Tôn sóng nối sóng đơn và sóng kép 4330x460x4mmm	m			685.000	
	Tôn lợp sóng 2330x350x4mmm	m			601.760	
	Trụ đỡ tôn sóng D140x4.5mm, L=2.15m	cột	Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123		1.519.000	
	Trụ đỡ tôn sóng D141.3x4.5mm, L=2.5m	cột			1.727.500	
	Trụ đỡ tôn sóng D141.3x4.5mm, L=2.445m	cột			1.689.500	
	Trụ đỡ tôn sóng D141.3x4.5mm, L=2.45m	cột			1.692.950	
	Trụ đỡ tôn sóng D141.3x4.5mm, L=2.675m	cột			1.848.430	
	Trụ đỡ tôn sóng D140x4.5mm, L=1.7m	cột			1.213.080	

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá tại khu vực công trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Trụ đỡ tôn sóng D140x4.5mm, L=1.36m	cột	BOLIM BILCO		980.070	
	Trụ đỡ tôn sóng D140x4.5mm, L=1.08m	cột			785.920	
	Trụ đỡ tôn sóng D150, T=4.5mm, L=1400mm	cột			1.021.750	
	Cột thép D168.34x4.78mm, L=0.4m	cột	nt		635.000	
	Nắp chụp D146x20mm	cái	nt		50.000	
	Mũ che D142x4mm	cái	nt		50.000	
	Thép dẹt 196x178x200x4.5mm	cái	nt		880.000	
	Thép dẹt 4x389x624mm	cái	nt		689.900	
	Thép dẹt 603x50x4mm	cái	nt		85.000	
	Thép dẹt 300x70x5mm	cái	nt		49.000	
	Thép dẹt 624x389x4.3mm	cái	nt		722.000	
	Bu lông 6 cạnh 21mm, L=165mm	cái	nt		34.000	
	Bu lông 6 cạnh 21mm, L=52mm	cái	nt		12.500	
	Bulông D16x35	cái	nt		9.000	
	Bulông D20x180	cái	nt		40.000	
	Bulông D18x40	cái	nt		12.000	
	Bulông D18x33	cái	nt		11.200	
	Tường chống ồn					nt
	Tường cao 4m, khoảng cách 2m/trụ; quy cách trụ H125x125x6.5x9	md	Tấm chống ồn KT 1960x500 (520)x100mm - Bọc tấm chống ồn bằng nhôm tấm dày 1.2mm sơn tĩnh điện màu theo yêu cầu - Móng mũi neo bằng thép ống P75.6x3.25mm, dài 1.5m - 2.0m - Đủ phụ kiện lắp đặt		34.150.000	
	Tường cao 4m, khoảng cách 4m/trụ; quy cách trụ H150x150x7x10	md			30.190.000	
	Tường cao 3m, khoảng cách 2m/trụ; quy cách trụ H125x125x6.5x9	md			23.800.000	
	Tường cao 3m, khoảng cách 4m/trụ; quy cách trụ H150x150x7x10	md			21.450.000	
	Hàng rào					
	Hàng rào lưới B40					nt
	Hàng rào lưới thép D40 mạ kẽm KT 4x63x63mm, L=1500x2730mm	cái	Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123		2.826.950	
	Ống thép D60, dày 3mm, L= 1440mm	m2			670.000	
	Ống thép chịu lực D60, dày 3mm, L=1590mm bao gồm 2 mặt tấm thép 50x3mm-L=112mm và L=65mm, Mặt bích vuông 120x10mm- L=120mm, bu lông đai ốc D12 (2 cái), L=50mm, L=20mm	cái			663.000	
	Cửa hàng rào lưới thép B40, mạ kẽm nhúng nóng (khung làm bằng thép hộp T25x50x1,8, thanh nẹp L40x4, thép tấm PL26x2, lưới B40, d4mm, ô mắt 63x63mm	cái			3.095.100	
	Thanh chống bằng thép ống mạ kẽm P50, 1x2,8x1240 (bao gồm tai bắt, tấm gia cường) mạ kẽm nhúng nóng	cái			475.000	
	Thanh gìm D12x500m	cái			22.000	
	Hàng rào dây thép gai					nt
	Kẽm gai hàng rào đường kính dây 2,5mm	m	Mạ kẽm nhúng		5.500	
	Cột thép D60 dày 3mm dài 1640mm, mạ kẽm	cái			790.000	

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá tại khu vực công trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Ống thép chịu lực D60, dày 3mm, L=1590mm bao gồm móc thép D8, L=120mm, mặt bích vuông 120x10mm, L=120mm, bu lông đai ốc D12, L=50mm	cái	nóng theo TC ASTM A123		721.200	
	Các hạng mục khác					nt
	Cột cần vươn	kg	Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123		49.700	
	Giá long môn	kg	Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123		51.500	
	Đỉnh phản quang loại 1	cái	(KT 130x110x25mm bằng nhôm có chân dài 75, 2 mặt phản quang		159.500	
	Trụ chống va	cái			7.800.000	
	Dải phân cách giữa di động	m	Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123		9.090.000	
	Lưới chống chói	m	Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123		884.000	
	Chỉ hướng mũi tên (đào xếp bằng thép)	bộ			735.000	
3	Sản phẩm của Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng Vĩnh Hưng Trụ sở: Lô BT2, Ô số 49 Khu Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội. Liên hệ: 84-4-3540.2468					
	Hệ lưới sức kháng cao kết hợp neo thép chống đá lăn, đá rơi					
	Neo thép D32	m	Hãng Maccaferri		134.181	Giao tại chân công trình
	Lưới sức kháng cao	m2			1.205.000	
	Tấm đế neo	cái			384.000	
	Khóa cáp chữ U cho cáp D8	cái			54.000	
	Khóa cáp chữ U cho cáp D16	cái			259.000	
	Thiết bị liên kết các tấm lưới	cái			16.000	
	Cáp biên D16	m			128.000	
	Lưới chống xói 3 trục HDPE	m2			249.000	
	Tường chống ồn loại tiêu âm bao gồm khung tấm chống ồn, dây an toàn, khóa cáp, bulon, khớp kim loại, cột H, gioăng cao su...)		Hàn Quốc		8.540.000	nt
	Cáp dự ứng lực, không vỏ bọc, 7 sợi, độ chùng thấp, đường kính 12,7mm theo chuẩn ASTM A416, Grade 270	tấn	Malaysia		30.500.000	Giao tại chân công trình
	Neo dự ứng lực ZM.M13A-12	Bộ	Trung Quốc		2.250.000	
	Gối chầu cho dầm Super T di động	Chiếc	Cty Vĩnh Hưng		31.500.000	
	Gối chầu cho dầm Super T di động	Chiếc	Cty Vĩnh Hưng		33.500.000	
	Khe co giãn dạng răng lược chuyển vị 100mm (VHF-C100)	met	Cty Vĩnh Hưng		19.200.000	
	Gối cao su tổng hợp cố định 150x250x35mm	Chiếc	nt		800.000	
	Gối cao su tổng hợp di động 150x250x35mm	Chiếc	nt		950.000	
	Gối cao su tổng hợp cố định 300x400x67mm	Chiếc	nt		4.800.000	
	Gối cao su tổng hợp di động 300x400x67mm	Chiếc	nt		5.800.000	
	Gối cao su tổng hợp cố định 400x450x78mm	Chiếc	nt		8.400.000	
	Gối cao su tổng hợp di động 400x450x78mm	Chiếc	nt		10.150.000	

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá tại khu vực công trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Gối chặn di động song hướng VHB-11,5FS	Chiếc	nt		298.000.000	
	Gối chặn di động đơn hướng VHB-11,5GS	Chiếc	nt		390.000.000	
	Gối chặn di động song hướng VHB-8FS	Chiếc	nt		180.000.000	
	Gối chặn di động đơn hướng VHB-8GS	Chiếc	nt		270.000.000	
	Gối chặn di động song hướng VHB-1,2FS	Chiếc	nt		24.000.000	
	Gối chặn di động đơn hướng VHB-1,2GS	Chiếc	nt		26.000.000	
4	Sản phẩm của Công ty TNHH xây dựng cơ khí Lê Minh					Giao tại chân công trình
	Cáp DU'L	kg			30.500	
	Neo 12 toan 12,7mm	cái			2.030.000	
	Gối chặn cho dầm Super T di động song hướng	Bộ			29.500.000	
	Gối chặn cho dầm Super T cố định	Bộ			31.500.000	
	Khe co giãn dạng răng lược D=50mm	m			15.000.000	
	Khe co giãn dạng răng lược D=100mm	m			18.000.000	
	Ống thép siêu âm D106,5/113,5	m			230.000	
	Ống thép siêu âm D106,5/113,5	m			165.000	
5	PHỤ GIA CHỐNG LÚN					Giao tại chân công trình
	Phụ gia chống lún SBS-Globalprene 3501	kg	Cty Hoàng Kim Hưng/Xuất xứ Đài Loan		69.091	
	Phụ gia chống lún SBS-Globalprene 3501	kg	Cty Hoàng Kim Hưng/Xuất xứ Hàn Quốc		70.000	
	Phụ gia chống lún SBS 3501	kg	Cty CP TM và Quốc tế Nam Bảo Hưng/Xuất xứ Đài Loan		71.818	Giao tại chân công trình
6	TƯỜNG CHẴN ĐẤT CÓ CỐT VSOL <i>Sản phẩm của Cty TNHH VSL Việt Nam</i>					Giao tại chân công trình
	Dải gia cường Fasten FW 50KN	m			99.550	
	Dải gia cường Fasten FW 70KN	m			105.500	
	Chốt cầu	cái			29.600	
	Thanh dẫn hướng	Thanh			30.500	
	Gối kê nhựa HDPE	cái			32.800	
	Vải địa kỹ thuật bịt khe tường	m2			35.100	
	Keo dán vải địa kỹ thuật	kg			45.000	
7	TƯỜNG CHẴN ĐẤT CÓ CỐT <i>Sản phẩm của Cty CP đầu tư xây dựng Trung Bắc</i>					Giao tại chân công trình
	Dải gia cường Fasten FW 50KN	m			105.000	
	Chốt cầu	cái			35.000	
	Thanh dẫn hướng	Thanh			33.000	
	Gối kê nhựa HDPE	cái			35.000	
	Vải địa kỹ thuật bịt khe tường	m2			38.000	
	Keo dán vải địa kỹ thuật	kg			45.000	
8	TƯỜNG CHẴN ĐẤT CÓ CỐT <i>Sản phẩm của Cty CP đầu tư xây dựng và thương mại BIM</i>					Giao tại chân công trình
	Dải gia cường Fasten FW 50KN	m			108.160	
	Chốt cầu	cái			31.800	
	Thanh dẫn hướng	Thanh			32.900	
	Gối kê nhựa HDPE	cái			36.000	
	Vải địa kỹ thuật bịt khe tường	m2			38.000	
	Keo dán vải địa kỹ thuật	kg			46.000	

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá tại khu vực công trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9	ỐNG THOÁT NƯỚC THẨM THẤU <i>Sản phẩm của Cty CP tư vấn xây dựng và đầu tư BETA</i>					
	Ống xoắn thoát nước thẩm thấu linh hoạt - Chất liệu : Thép không gỉ - Đường kính ngoài 18 mm - Đường kính trong 15mm - Đường kính lỗ thẩm 1,8mm - Ống dày 1,5mm - Cường độ nén $\geq 20\text{PMa}$ - Khả năng chịu nhiệt độ đạt 240oC trong 30 phút - Ống dài 50m	m	Xuất xứ: Hàn Quốc		565.000	Giao tại chân công trình
	Đầu thu nước thẩm thấu - Chiều dài ống L=300mm - Chất liệu: Thép không gỉ	cái			2.120.000	
10	ỐNG THOÁT NƯỚC THẨM THẤU <i>Sản phẩm của Cty CP tư vấn xây dựng đầu tư xây dựng Miền Bắc</i>					
	Ống xoắn thoát nước thẩm thấu linh hoạt - Chất liệu : Thép không gỉ - Đường kính ngoài 18 mm - Đường kính lỗ thẩm 1,8mm - Ống dày 1,5mm - Cường độ nén $\geq 20\text{PMa}$	m	Xuất xứ: Hàn Quốc		610.000	Giao tại chân công trình
	Đầu thu nước thẩm thấu D43 - Chiều dài ống L=300mm - Chất liệu: Thép không gỉ	cái			2.500.000	
11	Nhựa đường					
	Nhựa đường 60/70 - quy cách đóng thùng phuy	kg	Phân phối bởi Cty CP TM và xuất nhập khẩu vật tư giao thông (Tratimex)		19.500	Giao tại chân công trình
	Nhựa đường đặc nóng 60/70 - Xá - quy cách đóng bồn và giao bằng xe chuyên dụng	kg			17.500	
	Nhựa đường lòng MC70	kg			23.500	
	Nhựa đường nhũ tương SRS1	Kg			14.500	
12	Thuốc nổ					
	Thuốc nổ Anfo - D90	Kg	Công ty hóa chất mỏ Tây Nguyên		42.000	Giá giao tại kho bên bán ở Gia Lai. Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận
	Thuốc nổ Amonit (AĐ1) - D32--D90	Kg			57.900	
	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên - D32	Kg			53.500	
	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên - D60-D80	Kg			53.300	
	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên - D90	Kg			52.600	
	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ D32 (P113 hoặc LĐ1-31)	Kg			64.200	
	Mìn nổ					
	Mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp 175g/quả	Quả			62.800	
	Mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp 250g/quả	Quả			81.500	
	Mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp 400g/quả	Quả			115.400	
	Mũi khoan					
	Mũi khoan Ø 42mm	Cái			1.050.000	
	Mũi khoan Ø 45mm	Cái			1.100.000	
	Mũi khoan Ø 51mm	Cái			1.900.000	
	Mũi khoan Ø 76mm	Cái			2.300.000	
	Mũi khoan Ø 102mm	Cái			3.700.000	
	Mũi khoan Ø 105mm	Cái			4.000.000	

S T T	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá tại khu vực công trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Mũi dẫn hướng Ø 40mm	Cái	Cty TNHH MTV TM&DV Thuận Phú An		5.200.000	Giao tại chân công trình trên địa bàn tỉnh
	Cần khoan L = 1.22mm cho máy khoan cầm tay D<D42mm	Cái			305.000	
	Cần khoan L = 1.83mm cho máy khoan cầm tay D<D42mm	Cái			457.500	
	Cần khoan Ø 32, L=1,5mm	Cái			2.750.000	
	Cần khoan Ø 32, L=0,7mm	Cái			2.250.000	
	Cần khoan Ø 38, L=4,32mm	Cái			7.600.000	
	Cần khoan Ø 38, L=3,73mm	Cái			5.700.000	
	Cần khoan Ø 89, L=0,96mm	Cái			2.500.000	
	Quả đập khí nén Ø 05mm	Cái			4.200.000	
	Đuôi choòng Ø 38mm	Cái			3.520.000	
	Đầu nối cần khoan	Cái			1.200.000	